

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *H62* /UBND-SNV

Đà Nẵng, ngày *25* tháng *01* năm *2021*

V/v thực hiện Quyết định số

33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020

của Thủ tướng Chính phủ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỘC
VĂN BẢN ĐẾN
Số: *744*
Ngày: *28* / *01* / *2021*
Chuyển đến:

Kính gửi: Ủy ban Dân tộc

UBND thành phố Đà Nẵng nhận được Công văn số 1625/UBND-CSĐT ngày 23/11/2020 của Ủy ban Dân tộc về việc triển khai thực hiện Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân định vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025, sau khi tiến hành rà soát, phân định, UBND thành phố Đà Nẵng kính báo cáo như sau:

Hiện nay, thành phố Đà Nẵng có 08 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 06 quận, 02 huyện (bao gồm huyện đảo Hoàng Sa), với 56 phường, xã; đại đa số các phường, xã thuộc vùng đồng bằng ven biển là nơi cư trú của dân tộc Kinh và các dân tộc khác sống xen kẽ, chỉ có 03 xã miền núi có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tập trung là xã Hòa Ninh, xã Hòa Phú, xã Hòa Bắc thuộc huyện Hòa Vang, cụ thể:

1. Xã khu vực I vùng dân tộc thiểu số và miền núi

Căn cứ vào các tiêu chí phân định vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ, trên địa bàn thành phố Đà Nẵng có 01 xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang là xã khu vực I vùng dân tộc thiểu số và miền núi (có Phụ lục kèm theo)

2. Thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi

Thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025: không có.

UBND thành phố Đà Nẵng kính báo cáo Ủy ban Dân tộc. / *ml*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT các PCT;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, NCPC, BTG.

10



Lê Trung Chính



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÁC XÃ VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI PHÂN ĐỊNH THEO TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN
(Biểu số 01)

(Kèm theo Công văn số 462 /UBND-SNV ngày 25 tháng 01 năm 2021 của UBND thành phố Đà Nẵng)

TT	TÊN TỈNH, HUYỆN, XÃ	Tổng số xã	Tổng số thôn	Hộ		Nghèo (chuẩn TW)					Các điều kiện kèm theo			Dự kiến khu vực	Ghi chú
				Tổng số hộ	Số hộ DTTS	Tỷ lệ% hộ DTTS/ Số hộ toàn xã	Tổng số hộ nghèo toàn xã	Tỷ lệ % hộ nghèo toàn xã trên tổng số hộ toàn xã	Số hộ nghèo DTTS	Tỷ lệ % số hộ nghèo DTTS so với số hộ nghèo của xã	ĐK 1	ĐK2	ĐK3		
Thành phố Đà Nẵng															
I	Huyện Hòa Vang	11	113												
1	Xã Hòa Bắc		7	1383	248	17.93%	82	5.92%	20	24.39%				I	NTM

* Ghi chú: Số liệu hộ nghèo năm 2019, theo chuẩn nghèo của Trung ương

DANH SÁCH CÁC XÃ VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI PHÂN ĐỊNH THEO TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN
(Biểu số 01)

(Kèm theo Công văn số 462 /UBND-SNV ngày 25 tháng 01 năm 2021 của UBND thành phố Đà Nẵng)

TT	TÊN TỈNH, HUYỆN, XÃ	Tổng số xã	Tổng số thôn	Hộ			Nghèo (chuẩn TW)				Các điều kiện kèm theo			Dự kiến khu vực	Ghi chú
							Tổng số hộ DTTS	Tỷ lệ % hộ DTTS/ Số hộ toàn xã	Tổng số hộ nghèo toàn xã	Tỷ lệ % hộ nghèo toàn xã trên tổng số hộ toàn xã	Số hộ nghèo DTTS	Tỷ lệ % số hộ nghèo DTTS so với số hộ nghèo của xã	ĐK 1		
Thành phố Đà Nẵng															
I	Huyện Hòa Vang	11	113												
1	Xã Hòa Bắc		7	1383	248	17.93%	82	5.92%	20	24.39%				I	NTM

* Ghi chú: Số liệu hộ nghèo năm 2019, theo chuẩn nghèo của Trung ương